BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 32/2011/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2011*

THÔNG TƯ
Ban hành Danh mục vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 29 tháng 4 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này:

1. Danh mục vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam.

2. Danh mục vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam đến 31/12/2011.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký, thay thế Thông tư số 19/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thú y, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước có hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh, sử dụng vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y tại Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Diệp Kỉnh Tần

DANH MỤC VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2011/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

A. DANH MỤC VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y ĐƯỢC SẢN XUẤT

HÀ NỘI

1. Công ty cổ phần thuốc thú y TW I (VINAVETCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Stimulant 200	Vitamin, Acid amin, Men	Gói	50, 100, 500g	Kích thích tăng trọng	TWI-X3-76
2	Enzymbiosub	Men tiêu hóa	Gói	5, 50, 100, 500g	Kích thích tiêu hóa, ổn định hệ vi sinh vật đường ruột, tiêu chảy	TWI-X3-164
3	Vina - spray	Fipronil	Lọ	50; 100; 300; 500ml	Phòng và trị bọ chét, ve	TWI-X3-214
4	Zn-Vinavet	Zn gluconat	Gói	20g, 50g, 100g	Bổ sung kẽm, chống viêm da, kích thích sinh sản, chống xù lông	TWI-X3-180
5	Vinadin	PVP Iodine	Lọ Can	100; 250; 500ml 2; 5; 10; 20; 30 lít	Diệt các loại virus, vi khuẩn, nấm gây bệnh, Mycoplasma	TWI-X3-190

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
6	B.K.Vet	Glutaraldehyde; Benzal- konium chloride	Lọ Can	100; 250; 500ml 2; 5; 10; 20; 30 lít	Thuốc sát trùng, có tác dụng tiêu diệt các loại virus, vi khuẩn, nấm, Mycoplasma	TWI-X3-191
7	Cồn Methyl salicilat	Methyl salicilat	Lọ	50ml	Giảm đau tại chỗ, trị giãn dây chằng, đau gân, đau khớp, bệnh ghẻ ong	TWI-X3-12

2. Công ty cổ phần dược và vật tư thú y (HANVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Cồn Iod 2%	Iod	Chai	50 ml	Thuốc sát trùng ngoài da	TW-X_2-19
2	Cồn methylsalysilat 5%	Methyl salysilat	Chai	50 ml	Cồn xoa bóp	TW-X_2-20
3	Oxytocin	Oxytocin	Ống	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Thuốc thúc đẻ, tiết sữa	TW-X_2-45
4	Calcium-F	Calcium gluconate	Ống; Lọ	5 ml; 100ml	Phòng và chữa các bệnh do thiếu Ca, liệt quỵ. Trợ tim, bồi bổ sức khỏe	TW-X_2-46
5	Oestradiol	Oestradiol benzoate	Ống; Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Hormon sinh dục cái	TW-X_2-49
6	Gona-estrol®	Chorionic Gonadotropin, Oestradiol	Lọ; Ống	4; 8 ml	Điều tiết sinh sản, gây động dục	TW-X_2-58

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
7	Natri Chloride đẳng trương 0,9%	Natri chloride	Ống, lọ	1; 20; 100ml	Chống mất nước, dung môi pha thuốc tiêm	TW-X_2-64
8	Calmaphos®plus	Calcium gluconate, Calci hypophosphite, Magnesium	Ống; Lọ	5 ml; 100 ml	Phòng và chữa các bệnh do thiếu Ca, Mg gây liệt, quỵ	TW-X_2-79
9	Hanvet-K.T.G.® (Kháng thể Gumboro)	Kháng thể Gumboro	Chai	50 ml, 100 ml	Trị bệnh Gumboro. Nâng cao sức đề kháng không đặc hiệu cho gà	TW-X_2-93
10	Hantox-spray	Pyrethroid	Chai, bình	50, 100, 300 ml, 1 lít	Thuốc phun diệt ngoại ký sinh trùng	TW-X_2-109
11	Magnesi sulfate 25%	Magnesi sulfate	Ống; Chai, lọ	5 ml; 50 ml, 100 ml	Nhuận tràng, tẩy rửa ruột, chữa táo bón, kích thích tiết mật	TW-X_2-113
12	Hantox-shampoo	Pyrethroid	Chai, bình	200 ml, 300 ml, 1 lít	Nhũ dịch tắm diệt ngoại ký sinh	TW-X_2-110
13	Hanmid	Chloramin-T	Gói	50; 100; 500g; 1 ;5; 25kg	Thuốc tẩy trùng	TW-X_2-117
14	Han-iodine	Polyvidone iodine	Chai, can	50,1000 ml;3 lít	Thuốc sát trùng	TW-X_2-126
15	Hanvet-K.T.V.® (Kháng thể VGSVT vịt, ngan)	Kháng thể Viêm gan siêu vi trùng vịt, ngan	Chai	50 ml, 100 ml	Chữa viêm gan SVT vịt, ngan; bệnh dịch tả vịt ngan. Nâng cao sức đề kháng không đặc hiệu cho cơ thể	TW-X_2-129

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
16	Han-Prost®	Cloprostenol sodium (Prostagladin F2a)	Ống; Lọ	2; 5; 10; 20 ml	Chữa lưu tồn thể vàng, vô sinh, không động dục, động dục ẩn	TW-X2-138
17	Han-Lacvet	Lactobacillus acidophilus	Túi	4,10,50,100,500g,1kg	Phòng, trị bệnh đường ruột, tăng sức đề kháng cho gia súc	TW-X2-146
18	Hanvet K.T.E® Hi	Kháng thể E.coli	Lọ nhựa	20; 50; 100 ml	Phòng, trị tiêu chảy và sưng phù đầu do E.coli cho Lợn	TW-X2-150
19	Oxidan - TCA	Trichloriocyanuric	Túi, hộp, lon	100; 500; 1000g	Sát trùng, tẩy uế chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, môi trường	TW-X_2-151
20	Progesteron	Progesteron, Vitamin E	Lọ, ống	2; 5; 10ml, 20,50 ml.	Gây động dục hàng loạt, ổn định tử cung, an thai	TW-X_2-149
21	Cồn sát trùng 70^0	Ethanol	Chai, lọ	100; 500ml; 1l	Sát trùng ngoài da, vết thương	TW-X2-163
22	Iodcid	Iode, Sulphuric acid, Phosphoric acid	Chai, lọ	100; 500ml; 1l; 5l	Tiêu độc chuồng trại	TW-X2-171
23	Glucose 10%	Glucose (monohydrate)	Chai	100, 250, 500 ml	Trị hạ đường huyết, keton/acetone huyết, quỵ, liệt sau đẻ, sau phẫu thuật, tổn thương gan do ngộ độc trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, chó mèo	TW-X2-174

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
24	Glucose 20%	Glucose (monohydrate)	Chai	100, 250, 500 ml	Trị hạ đường huyết, keton/ acetone huyết, quỵ, liệt sau đẻ trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, chó mèo	TW-X2-175
25	Fip-Tox Spray	Fipronil	Lọ, chai	100, 250, 500 ml	Diệt, phòng bọ chét và ve ở chó mèo, thú cảnh	TW-X2-176
26	Hantox-200	Deltamethrin	Chai	50; 100ml; 1; 5 lít	Trị ngoại ký sinh trùng	TW-X2-178
27	Hankon WS	Kali monopersulphate, Acid sulfamic, Acid malic, Dodecylbenzen sulfonate,	Gói	20; 50; 100g; 1; 5kg	Sát trùng nước, không khí, sát trùng da, trang thiết bị, dụng cụ	TW-X2-183
28	Han-Goodway	Sodium, Postassium, Amylase, Protease, Vit C, Lactobacillus, enterococcus	Gói	20; 50; 100g; 1; 5 kg	Cân bằng hấp thu muối	TW-X2-184
29	Mỡ Kẽm Oxyd	Kẽm oxyd, Rivanol, Acid saliculic	Hộp, tuýp	25; 50; 100; 500g; 1kg	Chữa viêm da, lở loét, ghẻ, vết thương, mụn nhọt	TW-X2-185

3. Công ty TNHH TM & SX thuốc thú y Diễm Uyên (HUPHAVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Cồn salicylat methyl 10%	Salicylat methyl	Lọ	50ml	Xoa bóp, giảm đau	UHN-2
2	Bại liệt gà, vịt, ngan, ngỗng	Can xi (Ca), Phốtpho (P)	Gói	10; 20; 50; 100g	Bổ sung vitamin, vi lượng	UHN-33
3	Bại liệt gia súc	Calci gluconat, $MgCO_3$, Fe, Zn, Mn, Cu	Gói	5; 10; 20; 50g	Bổ sung can xi, phốtpho, vitamin	UHN-57
4	Hupha- Bacteriolact	Bacillus subtilis, Sacharomyces ceravisiae, Aspegillus oryzae, Vit A, D_3, E	Gói	10; 20; 50; 100g	Phòng chống ỉa chảy trên bê con, gà con, lợn con, ngựa con	UHN-80
5	Hupha-PVP-Iodin 10%	PVP iodin, Glycerin	Lọ, can	100; 200; 500ml; 1; 5; 10; 20l	Tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, rửa vết thương	UHN-83

4. Công ty TNHH thuốc thú y PHAVETCO

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Cồn salicilat Methyl 10%	Cồn salicilat methyl	Lọ	50ml	Chống viêm	HCN-10
2	Xanh methylen 1%	Xanh methylen	Lọ	50ml	Chống nhiễm trùng	HCN-11

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
3	Điện giải PO-SO-MIX	NaCl, KCl, glucose, Vitamin	Gói	100g	Chống mất nước, cân bằng điện giải	HCN-23
4	Extopa	Pyrethroid	Lọ Bình	10; 50; 100; 200; 300; 450; 600ml	Trị ký sinh trùng ngoài da	HCN-26

5. Công ty cổ phần thuốc thú y Trung ương 5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Five-Iodin	PVP iodine	Lọ	10; 20; 100; 500ml	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi	TW5-3
2	Five-Kẽm	Zn- Gluconate	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g	Chống bại liệt, nâng cao sức đề kháng, chống sừng hóa, nứt da tạo vẩy trên gia súc, gia cầm	TW5-44
3	Five-Magie	$MgSO_4$	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g	Chống táo bón, nhuận tràng trên gia súc	TW5-45

6. Công ty cổ phần thuốc thú y Việt Anh

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Via-iodine	Povidone iodine	Chai, can	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lon	Thuốc sát khuẩn, chống nấm, sát trùng chuồng trại	VA-17

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Via-Electral	Sodium hydrocarbonat Sodium clorid Potassium clorid	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng, trị các chứng thiếu hụt, mất cân bằng các chất điện giải	VA-22
3	Viatox-Shampoo	Deltamethrine, Methylparaben, Propyl paraben, Acid benzoic	Túi, lọ	10; 15; 25; 40; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị ve, ghẻ, bọ chét trên chó	VA-53

7. Công ty cổ phần xuất nhập khẩu dược thú y NASA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	NN-Iodine	Povidone Iodine, Glycerine	Chai, can	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Thuốc sát trùng	NN-19

8. Xưởng SXTN thuốc thú y - viện thú y quốc gia

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Nhuận tràng - thông mật (chống táo bón)	$MgSO_4$	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 250g	Nhuận tràng, thông mật, kích thích tiêu hóa, giải độc,…	VTY-X-33

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Cồn Methyl Salysilat (5%; 10%)	Methyl Salysilat	Lọ	50ml	Giảm đau, chống viêm, bong gân, chống thấp khớp	VTY-X-19
3	Cồn iode 2%	Iode	Lọ	50ml	Sát trùng ngoài da, vết mổ, vết thương, niêm mạc,…	VTY-X-28
4	Vacxin tụ huyết trùng gia cầm keo phèn	Vi khuẩn tụ huyết trùng gia cầm, chủng N41	Lọ	10; 20; 50ml	Phòng bệnh tụ huyết trùng gà, vịt, ngan, ngỗng	VTY-X-39
5	Vacxin tụ huyết trùng trâu, bò nhũ hóa	Vi khuẩn tụ huyết trùng trâu, bò, chủng IR; P52	Lọ	10; 20; 50ml	Phòng bệnh tụ huyết trùng trâu, bò	VTY-X-40
6	Vacxin tụ huyết trùng dê	Vi khuẩn tụ huyết trùng phân lập từ dê	Lọ	10; 20; 50ml	Phòng bệnh tụ huyết trùng dê	VTY-X-41
7	Vacxin E.coli phòng bệnh phù đầu lợn	Vi khuẩn E.coli dung huyết, chủng E_1, E_2, E_3, E_4, E_5	Lọ	10; 20; 50ml	Phòng bệnh phù đầu lợn	VTY-X-42
8	Vacxin Lasota chịu nhiệt	Chủng virus Lasota	Lọ	5; 10; 20ml	Phòng bệnh Newcastle	VTY-X-43
9	VTY-Lugo Iode 3%	Iode, Ioduakali	Lọ	50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Sát trùng, diệt trùng và chống viêm	VTY-X-44
10	VTY-Chloramin T	Chloramin T	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000g	Thuốc sát trùng, tiêu độc dùng trong chăn nuôi, thú y	VTY-X-45

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
11	VTY- Iodine 10%	P.V.P iodine	Chai, can	50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, sát trùng ngoài da	VTY-X-48

9. Công ty cổ phần Hải Nguyên

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Anolit	NaCl, HOCl, NaOCl, Cl_2 , O_3	Chai, can, thùng	500ml; 1; 3; 5 lít	Khử trùng nước, bề mặt dụng cụ thiết bị chăn nuôi, khử trùng không khí	HN-38
2	Waterchlo	NaCl, NaOCl	Can, bình	1; 2; 5 lít	Khử trùng nước, môi trường chăn nuôi	HN-45

10. Công ty TNHH thuốc thú y miền Bắc

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	PVP-Iodine	PVP iodine	Lọ, can	100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, sát trùng ngoài da	MB-31
2	N-Oresol	Natri Clorua, Kali clorua Na.bicacbonat, Glucose	Gói	27,5g	Dùng khi cơ thể mất nước (do ỉa chảy) mất máu, suy nhược	MB-36

11. Trung tâm công nghệ sinh học Đông Nam Á

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Kích dục tố	Gravohormon	Lọ	14ml	Kích thích sinh sản	TW-XI-63

12. Công ty TNHH thuốc thú y Việt Nam (PHARMAVET CO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Cloramin T	Chloramin T	Túi	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Thuốc sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi	PHAR-43
2	Pharmalox	$MgSO_4$, Na_2SO_4	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị chướng bụng, táo bón trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo	PHAR-60

13. Xí nghiệp thuốc thú y Trung ương

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Đóng dấu lợn nhược độc	Vi khuẩn đóng dấu lợn nhược độc	Lọ	10; 15; 20; 25 liều	Phòng bệnh đóng dấu lợn	TW-XI-1
2	Đóng dấu lợn vô hoạt	Vi khuẩn đóng dấu lợn	Lọ	50 liều	Phòng bệnh đóng dấu lợn	TW-XI-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
3	Tụ dấu lợn nhược độc	Vi khuẩn đóng dấu, THT lợn nhược độc	Lọ	5; 10; 15; 20; 50 liều	Phòng bệnh tụ dấu lợn	TW-XI-3
4	Tụ huyết trùng lợn vô hoạt	Vi khuẩn tụ huyết trùng lợn vô hoạt	Lọ	5; 10; 15; 20; 25; 50 liều	Phòng bệnh tụ huyết trùng lợn	TW-XI-4
5	Phó thương hàn lợn vô hoạt	Vi khuẩn phó thương hàn lợn vô hoạt	Lọ	5; 10; 15; 20; 25; 50 liều	Phòng bệnh phó thương hàn lợn	TW-XI-5
6	Leptospira	KN LT	Lọ	7; 10; 15; 20; 25 liều	Phòng bệnh Lép tô	TW-XI-6
7	Ung khí thán vô hoạt	VK ung khí thán vô hoạt	Lọ	10 liều	Phòng bệnh ung khí thán	TW-XI-7
8	Tụ huyết trùng gia cầm vô hoạt	Vi khuẩn tụ huyết trùng gia cầm vô hoạt	Lọ	20; 40; 50; 100; 200 liều	Phòng bệnh tụ huyết trùng gia cầm	TW-XI-8
9	Nhiệt thán vô độc nha bào đông khô	Nha báo nhiệt thán vô hoạt	Lọ	10 liều	Phòng bệnh nhiệt thán	TW-XI-9
10	Dại cố định	Kháng nguyên Dại	Lọ	1 liều	Phòng bệnh dại chó	TW-XI-11
11	Dịch tả lợn đông khô	Kháng nguyên DTL	Lọ	5; 10; 15; 20; 25; 50 liều	Phòng bệnh dịch tả lợn	TW-XI-12
12	Dịch tả trâu, bò đông khô	Kháng nguyên Dịch tả trâu, bò	Lọ	50 liều	Phòng bệnh dịch tả trâu, bò	TW-XI-13
13	Dịch tả vịt đông khô	Kháng nguyên dịch tả vịt	Lọ	150; 500; 1000 liều	Phòng bệnh dịch tả vịt	TW-XI-14
14	Newcastle đông khô	Kháng nguyên Newcastle	Lọ	20; 40; 100; 200; 250; 500; 1000 liều	Phòng bệnh Newcastle	TW-XI-15

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
15	Lasota đông khô	Kháng nguyên Newcastle, chủng Lasota	Lọ	20; 50; 100; 200; 250; 500; 1000 liều	Phòng bệnh Lasota	TW-XI-16
16	Đậu gà tế bào đông khô	Kháng nguyên đậu gà	Lọ	50; 100; 200; 250; 500; 1000 liều	Phòng bệnh đậu gà	TW-XI-17
17	Mỡ oxyt kẽm	Oxyt Zn	Lọ	100g	Trị các bệnh ngoài da do thiếu kẽm	TW-XI-31
18	Muối tiêu (sulf carolinfatitium)	Na_2SO_4 , $NaHCO_3$	Gói	50; 100g	Trị táo bón kích thích tiêu hóa	TW-XI-32
19	Afaron	Các loại khoáng	Gói	50; 100; 200g	Bổ sung các chất khoáng	TW-XI-52
20	Cồn sát trùng	Cồn	Lọ	20; 50; 100ml	Sát trùng da trước khi tiêm, dụng cụ	TW-XI-51
21	Lở mồm long móng	Kháng nguyên LMLM	Lọ	25 liều	Phòng bệnh lở mồm long móng	TW-XI-62
22	Nhiệt thán vô độc nha bào dạng lỏng	Kháng nguyên (nha bào) nhiệt thán	Lọ	10; 15; 20; 25; 50 liều	Phòng bệnh nhiệt thán	TW-XI-18
23	Gumboro tế bào đông khô	Kháng nguyên Gumboro	Lọ	50; 100; 200; 250; 500; 1000 liều	Phòng bệnh Gumboro	TW-XI-54
24	Tụ huyết trùng trâu, bò vô hoạt	Kháng nguyên THT trâu, bò	Lọ	10; 20 liều	Phòng bệnh tụ huyết trùng trâu, bò	TW-XI-55
25	Carre đông khô	Kháng nguyên Carre	Lọ	1; 5 liều	Phòng bệnh sài sốt chó	TW-XI-57

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
26	Vaccine Parvo	Kháng nguyên Parvo	Lọ	1; 10 liều	Phòng bệnh rối loạn sinh sản lợn	TW-XI-58
27	Phó thương hàn lợn con nhược độc	Kháng nguyên phó thương hàn	Lọ	10; 15; 20; 25; 50 liều	Phòng bệnh phó thương hàn lợn	TW-XI-59
28	Rabisin chia nhỏ liều của MERIAL Pháp	Kháng nguyên dại	Lọ	1; 10 liều	Phòng bệnh dại chó	TW-XI-61
29	Dại FLURY - lép đông khô	Kháng nguyên dại FLURY	Lọ	1 liều	Phòng bệnh dại	TW-XI-56
30	Phó thương hàn lợn F	Chủng S_1, S_2	Lọ	10; 15; 20; 25; 50 liều	Phòng bệnh phó thương hàn	TW-XI-64
31	Phudin - C	Vitamin C, NaCl, KCl, natricitrat	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Phòng, trị mất nước do tiêu chảy, cân bằng điện giải, phòng chống Stress	TW-XI-65
32	Dịch tả trâu, bò	G.globiline đặc hiệu	Lọ	10 liều	Chữa bệnh dịch tả trâu, bò	TW-XI-19
33	Đóng dấu lợn	G.globiline đặc hiệu	Lọ	10 liều	Chữa bệnh đóng dấu lợn	TW-XI-20
34	Tụ huyết trùng nhị giá	G.globiline đặc hiệu	Lọ	10 liều	Chữa bệnh Tụ huyết trùng	TW-XI-21
35	Oxy già 3%	Oxy già	Lọ	20; 50; 100ml	Rửa vết thương	TW-XI-47
36	Cồn Salisilat Methyl 10%	Sali sulfat methyl	Lọ	20; 50; 100ml	Trị các bệnh tê thấp, bong gân, sưng	TW-XI-49

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
37	Subtilis	B. Subtilis	Lọ	500ml	Ổn định vi khuẩn đường ruột	TW-XI-53
38	Vắc xin viêm gan vịt nhược độc đông khô	Kháng nguyên vi rút nhược độc viêm gan vịt	Lọ	50; 100; 150 liều	Phòng bệnh viêm gan truyền nhiễm vịt, ngan	TW-XI-82
39	Vắc xin vô hoạt xuất huyết truyền nhiễm thỏ	Kháng nguyên vi rút xuất huyết thỏ	Lọ	10; 20; 50; 100 liều	Phòng bệnh xuất huyết truyền nhiễm do virut cho thỏ	TW-XI-83
40	Thuốc sát trùng PVI	Iodine	Chai	1 lít	Sát trùng da, vết thương; Tiêu độc, khử trùng chuồng trại, dụng cụ	TW-XI-84
41	Vắc xin vô hoạt đậu dê	Vi rút đậu dê vô hoạt	lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng bệnh đậu dê	TW-XI-85
42	Dung dịch pha vắc xin đông khô	Mono sodium phosphate, Disodium hydrogen phosphate, Phenol red Sodium chloride,	Lọ, hộp	7; 10; 17; 20; 25; 34; 40; 50; 70; 100; 200; 300; 500ml	Dung dịch pha vắc xin đông khô	TW-XI-90
43	Vetvaco-Iodine	Povidone Iodine	Chai	100; 200; 500ml; 1; 2; 3; 5; 10 lít	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, sát trùng vết thương	TW-XI-91

14. Công ty phát triển công nghệ nông thôn (RTD)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Antipara	Đồng, sắt , kẽm, Magie, phốt pho, Ca, Vit A,C	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg	Phòng, trị bại liệt gia cầm như các chứng xốp xương, đau xương, nhuyễn xương,…	RTD-20
2	Lactovet	L-Lysine, tế bào L.A, Vitamin và tá dược	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg	Giữ cân bằng hệ sinh vật đường ruột, phòng chống tiêu chảy, kích thích tiêu hóa	RTD-38
3	Xanh-me-thy-len	Xanh methylen	Chai	10, 20, 50, 100ml	Chữa bệnh viêm da toàn phần, mụn nhọt, lở loét, vết thương, nốt sần, đậu mùa, rộp	RTD-43
4	RTD-Sinh lý mặn	Natriclorid	Chai	5, 10, 20, 50, 100ml	Pha kháng sinh, vắc xin, sát khuẩn, rửa vết thương, ổ viêm, các tế bào chết	RTD-67
5	RTD-Bonspray	Pyrethroid	Lọ, chai	50, 100, 200, 300, 500ml	Điều trị ngoại ký sinh trùng trên chó, mèo (Thú cảnh)	RTD-105
6	Kháng thể Gumboro	Kháng thể	Lọ, chai	20, 50, 100ml, 250ml 500ml, 1 lít	Phòng và trị bệnh Gumboro trên gia cầm	RTD-106
7	Kháng thể Newcastle	Kháng thể	Lọ, chai	20, 50, 100ml, 250ml 500ml, 1 lít	Phòng và trị bệnh Newcastle trên gia cầm	RTD-107
8	Kháng thể Newcastle + Gumboro	Kháng thể	Lọ, chai	20, 50, 100ml, 250ml 500ml, 1 lít	Phòng và trị bệnh Gumboro và Newcastle gia cầm	RTD-108

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
9	Kháng thể dịch tả + viêm gan vịt	Kháng thể	Lọ, chai	20, 50, 100ml, 250 ml 500 ml, 1 lít	Phòng và trị dịch tả vịt, viêm gan vịt, ngan	RTD-109
10	RTD-Iodine	Povidone iodine	Chai	100; 500ml; 1; 2; 3; 5; 10 lít	Sát trùng, chữa viêm tử cung	RTD-124
11	RTD-B.K.C	Benzalkonium chloride, Amylacetat	Chai, can	500ml; 1; 2; 3; 5; 10 lít	Thuốc sát trùng chuồng trại, phương tiện vận chuyển, rửa vết thương	RTD-129
12	RTD-TC 01	Glutararaldehyde, Alkyl benzyl ammonium chloride	Chai, can	100ml; 1; 2; 3; 5; 10 lít	Thuốc sát trùng chuồng trại, phương tiện vận chuyển, rửa vết thương, sát trùng dụng cụ phẫu thuật, máy ấp trứng,...	RTD-130
13	RTD-Bon Shampoo	Pyethroid	Chai, lọ	100; 200; 300; 500ml; 1 lít	Diệt ngoại ký sinh trùng như ve, bọ chét, ghẻ, rận cho chó, mèo	RTD-131
14	RTD - kháng thể E.coli	Kháng thể E.coli	Lọ	10;20; 50; 100 ml	Phòng, trị bệnh phù đầu và tiêu chảy cho lợn	RTD-139
15	Iodophor	Iodine phosphoric acid, sulphuric acid	Chai, can	100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20; 25 lít	Sát trùng	RTD-155

15. Công ty cổ phần Sóng Hồng

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Cồn Salisilat Methyl	Methylsalisilat	Lọ	50 ml	Giảm đau, thuốc dùng ngoài	SH-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Xanh Methylen	Xanh methylen (1%)	Lọ, chai	50 ml	Chống nhiễm trùng ngoài da	SH-53
3	PVP.Iodin	Iodine	Lọ, can	50; 100; 200; 500ml; 1 lít 2; 5; 10; 20 lít	Tiêu độc, sát trùng chuồng trại, phương tiện vận chuyển, dụng cụ chăn nuôi	SH-77
4	B-Kacid	Glutaraldehyd Benzalkonium clorid	Lọ can	50; 100; 200; 500ml 1; 2; 5; 10; 20 lít	Sát trùng các loại vi khuẩn, vi rút, nấm, v.v	SH-109
5	Kháng thể Lepto-A	Kháng thể L. grippotyphosa và L.icterohae-morrhagiae	Lọ	2; 3; 5; 10ml	Phòng Lepto do L. grippotyphosa và L.icterohaemorrhagiae cho lợn, bò, dê, cừu, ngựa, chó	SH-120
6	Kháng thể Lepto- C	Kháng thể L. bataviae và L. canicola	Lọ	2; 3; 5; 10ml	Phòng bệnh Lepto do L. bataviae, và L. canicola cho lợn, bò, dê, cừu, ngựa, chó	SH-121

16. Công ty cổ phần Dược phẩm công nghệ cao

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Hitecx-KT-GUM	Kháng thể Gumboro	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh Gumboro	Hitech-10

17. Công ty TNHH thuốc thú y Bình Minh

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	BM- Methionin	Methionine	Gói	100; 200; 500g	Giải độc, tăng cường chức năng gan	BM- 21
2	BM- Glucosa	Glucoza	Gói	100; 200; 500g	Cung cấp năng lượng, giải độc trong các trường hợp nhiễm độc	BM- 22

18. Công ty CP công nghệ sinh học thú y

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	BTV- Điện giải Gluco C	Sodium Clorid, Glucose, Postassium Clorid, Sodium Citrat,	Túi	10; 20; 30; 50; 100g	Tăng cường sức đề kháng, cung cấp chất điện giải cho cơ thể, chống nóng, stress cho gia súc, gia cầm	BTV- 16
2	BTV- Kháng thể E.Coli	Kháng thể E.Coli	Lọ	50; 100ml	Phòng trị bệnh phù đầu, phân trắng, tiêu chảy trên lợn con	BTV-42
3	BTV- Kháng thể Newcastle-Gumboro	Kháng thể Newcastle, Gumboro	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng và trị Newcastle, Gumboro trên gà	BTV-43
4	BTV- Iodine	Iodine- Polyvidine	Chai, can	100; 200; 500ml; 1; 2; 5 lít	Tiêu độc chuồng trại, sát trùng da, vết thương, rửa âm đạo, thụt rửa tử cung	BTV-44

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
5	BTV- Glutar	Glutaraldehyde; Alkylbenzyldimethyl ammonium chloride	Lọ, can	100ml; 1; 2; 3; 5; 10 lít	Tiêu độc chuồng trại, phương tiện vận chuyển, khử trùng máng ăn, máng uống, dụng cụ, sát trùng trực tiếp trên vật nuôi	BTV-46
6	BTV- Kháng thể dịch tả & viêm gan vịt	Kháng thể dịch tả, Kháng thể viêm gan	Lọ	50; 100ml	Phòng trị bệnh dịch tả, viêm gan vịt, ngan	BTV-62
7	BTV- Kháng thể E.coli&THT lợn	Kháng thể THT, Kháng thể E.coli	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Phòng trị bệnh THT và E.coli trên lợn	BTV-63

19. Công ty TNHH thú y xanh Việt Nam (GREENVET CO., LTD)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Deptol	Dietylphtalat	Lọ	50ml	Trị ghẻ gia súc	GRV-18
2	Puppy Ring	Dimpylate (Diazinon)	Vòng (hộp)	40cm (10 vòng)	Trị ve, rận, chó mèo	GRV-23
3	Gonavac	Gonadotrophinum serum	Chai	500; 1000; 2000; 3000 UI	Trị vô sinh, rối loạn rụng trứng và gây động dục trên gia súc giống	GRV-44

HƯNG YÊN

20. Công ty TNHH Nam Dũng

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Thuốc sát trùng	Phenol, Glutaraldehyd	Lọ	20; 100; 400; 500ml 1000; 2000ml	Sát trùng	ND-18
2	Mỡ ghẻ	Diethyl phtalate, Vitamin E	Lọ	30; 40; 50; 100; 250g	Thuốc mỡ trị ghẻ	ND-19
3	Điện giải	Muối Na, K, Ca, Mg, Vitamin C	Gói	20; 50; 100; 300; 500; 1000g	Cung cấp muối khoáng	ND-53
4	Thuốc sát trùng	Chloramine B; Benzalkonium	Lọ	10; 20; 50; 100; 400; 500ml	Sát trùng	ND-94
5	ND. Iodine	PVP. Iodine; Potasium Iodide	Lọ; Bình xịt	50; 100; 400; 500; 1000; 2000ml	Sát trùng ngoài da, chuồng trại	ND-111
6	Dear Doket	Tinh dầu sả, Pơ mu, thông, tràm, Natri benzoat	Lọ	50; 80; 100; 200; 500; 1.000ml	Tắm cho chó	ND-148
7	Dear Cleanser	Tinh dầu hương nhu, xá xị, sả, màng tang, pơ mu, thông, khuynh diệp, húng, quế, Sodium benzoat	Lọ	200; 300; 1000; 2000; 5000ml	Diệt ve, bọ chét, khử trùng chuồng trại	ND-150
8	Dear Newtab	Hoàng bá, phèn nhôm, $CuSO_4$	Túi	1kg	Viên đặt tử cung cho gia súc	ND-154

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
9	Bacillus Enzym	Bacillus subtilis, Lactobacillus spp, Streptococcus spp, Saccharomyces spp, Protease	Túi	3; 10; 20;30;50;100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị rối loạn tiêu hóa, tăng sức đề kháng của cơ thể	ND-171
10	TD. Antiflu 1	Glyoxal, Glutaraldehyde, Formaldehyde, Alkyldimethyl benzylammonium chloride	Chai, can	50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi, nguồn nước	ND-222
11	TD. Antiflu 2	Alkyldimethyl benzylammonium chloride, Dedeccyldimethylamonium chloride, Glutaraldehyde	Chai, can	50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi, nguồn nước	ND-223
12	TD.Percid	Peracetic, Hydrogen peroxide	Chai, can	50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Tẩy uế và xử lý nguồn nước trong chăn nuôi	ND-225

TỈNH KHÁNH HÒA

21. Phân viện thú y miền trung - viện thú y

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vacxin phó thương hàn lợn con	Chủng phó thương hàn lợn	Lọ	5, 10, 25, 50 liều (2ml/liều)	Phòng bệnh phó thương hàn cho lợn	TW IV -1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Vacxin đậu gà	Chủng virus đậu gà	Lọ	20, 50, 100 liều (2ml đk)	Phòng bệnh đậu cho gà	TW IV -2
3	Vacxin dịch tả lợn	Virus dịch tả lợn chủng C	Lọ	10, 25, 50 liều (2ml đk)	Phòng bệnh dịch tả lợn	TW IV -3
4	Vacxin tụ huyết trùng trâu bò	VK tụ huyết trùng trâu, bò	Lọ	10, 25, 50 liều (2ml/liều)	Phòng tụ huyết trùng trâu bò	TW IV -4
5	Vacxin dịch tả vịt	Virus dịch tả vịt	Lọ	100, 250, 500, 1000 liều	Phòng bệnh dịch tả cho vịt	TW IV -5
6	Vacxin Lasota	Virus Newcastle nhược độc	Lọ	20, 50, 100 liều (2ml đk)	Phòng bệnh newcastle cho gà	TW IV -6
7	Vacxin Newcastle	Virus Newcastle hệ I	Lọ	20, 50, 100 liều (2ml đk)	Phòng bệnh newcastle cho gà	TW IV -7
8	Vacxin tụ huyết trùng lợn	Vi trùng tụ huyết trùng lợn	Lọ	5, 25, 50 liều (2ml/liều)	Phòng bệnh tụ huyết trùng lợn	TW IV -8
9	Vacxin tụ huyết trùng gia cầm	Vi trùng tụ huyết trùng gia cầm	Lọ	10, 20, 50 và 100 liều (1ml/liều)	Phòng bệnh tụ huyết trùng cho gia cầm	TW IV -9
10	Vacxin kép tụ huyết trùng - phó thương hàn lợn nhược độc	Chủng AvPs -3 Chủng W.H.Smith	Lọ	10, 25 liều (2ml đk)	Phòng bệnh tụ huyết trùng và phó thương hàn cho lợn	TW IV -24
11	Vacxin Lasota chịu nhiệt	Chủng Lasota	Lọ	20 liều (5ml)	Phòng bệnh newcastle cho gà	TW IV-25

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
12	Kháng thể Gumboro - Newcastle	Lòng đỏ trứng chứa kháng thể Gumboro, Newcastle	Chai	50; 100ml	Phòng, trị Gumboro và Newcastle	TW IV-20
13	Biosubstil	Bacillus subtilis	Gói	50; 100; 500g; 1; 10; 20; 50kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, tiêu chảy, ổn định VSV đường ruột	TW IV-21
14	Vaccine E. Coli phù đầu lợn	E.coli F18	Lọ	10; 20; 50ml (1ml/liều)	Phòng bệnh phù đầu ở lợn	TW IV-22
15	Vaccine THT dê cừu	Pasteurella multocida	Lọ	10; 20; 50; 100ml (2ml/liều)	Phòng bệnh tụ huyết trùng dê, cừu	TW IV-23

TỈNH LÂM ĐỒNG

22. Phân viện vắc xin Đà Lạt

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Enzymbiosub	Bacillus subtilis, Men tiêu hóa	Gói	5, 10, 100g	Tăng cường tiêu hóa	BC-01

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

23. Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y Trung ương (NAVETCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Tụ huyết trùng P52	Vi khuẩn tụ huyết trùng vô hoạt	Chai (5-10-25 liều)	10, 20ml, 50ml	Phòng bệnh tụ huyết trùng trâu, bò	TWII-12
2	Nhiệt thán	Nha bào nhiệt thán nhược độc	Chai (10-20-40 liều)	1ml	Phòng bệnh nhiệt thán	TWII-64
3	Dịch tả heo	Siêu vi trùng dịch tả heo nhược độc	Chai (10-25 liều)	1ml	Phòng bệnh dịch tả heo	TWII-2
4	Tụ huyết trùng heo	Vi khuẩn tụ huyết trùng vô hoạt	Chai (5-10-25 liều)	10ml; 20ml; 50ml	Phòng bệnh tụ huyết trùng heo	TWII-9
5	Thương hàn heo	Vi khuẩn phó thương hàn vô hoạt	Chai (5-10-25 liều)	10ml; 20ml; 50ml	Phòng bệnh thương hàn heo	TWII-10
6	Newcastle hệ F	Siêu vi trùng Newcastle nhược độc	Chai (100 liều)	1,5ml	Phòng bệnh Newcastle	TWII-3
7	Newcastle hệ M	Siêu vi trùng Newcastle nhược độc	Chai (100 liều)	1,5ml	Phòng bệnh Newcastle	TWII-4
8	Laxota	Siêu vi trùng Newcastle nhược độc	Chai (100 liều)	1,5ml	Phòng bệnh Newcastle	TWII-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
9	Đậu gà	Siêu vi trùng đậu gà nhược độc	Chai (100 liều)	1ml	Phòng bệnh đậu gà	TW2-6
10	Dịch tả vịt	Siêu vi trùng dịch tả vịt nhược độc	Chai (200, 500, 1000 liều)	1 ml 1,5ml	Phòng bệnh dịch tả vịt	TWII-8
11	Gumboro	Siêu vi trùng Gumboro nhược độc	Chai (100 liều)	1,5ml	Phòng bệnh Gumboro	TW2-65
12	Newcastle chịu nhiệt	Siêu vi trùng Newcastle nhược độc	Chai (25-50 liều)	0,8ml 1ml	Phòng bệnh Newcastle	TWII-66
13	Tụ huyết trùng gia cầm	Vi khuẩn tụ huyết trùng vô hoạt	Chai (10-25 liều)	50ml 20ml	Phòng bệnh tụ huyết trùng gia cầm	TWII-72
14	Vacxin dịch tả vịt tế bào đông khô	Giống virus dịch tả vịt nhược độc trên tế bào	Chai	4ml	Phòng bệnh dịch tả vịt	TWII-96
15	Navet- iodine	PVP iodine	Bình	100; 500ml; 1; 2; 5; 20 lít	Sát trùng chuồng trại, phương tiện vận chuyển, dụng cụ	TWII-100
16	B-K-A	Benzalkonium	Bình	100, 500ml, 1; 2 lít	Sát trùng, tiêu độc	TWII-86
17	Benkocid	Benzalkonium, glutaradehyde	Chai, can	500ml; 1; 2; 5 lít	Thuốc sát trùng chuồng trại	TWII-97

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
18	Chloramin T	Chloramin T	Gói	1kg	Sát trùng chuồng trại, lò mổ, máy ấp trứng,…	TWII-99
19	Vắc xin xuất huyết thỏ	Vi rút xuất huyết thỏ callicivirus	Chai	20; 50liều	Phòng bệnh xuất huyết truyền nhiễm do callici-virus cho thỏ	TWII-101
20	Navetcide	Glutaraldehyde, Benzalkonium cloride	Bình	100; 500ml; 1; 2; 5; 20l	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ, phương tiện vận chuyển	TWII-104
21	Navetkon-S	Potassium monopersulfate, Sodium dodecyl benzene sulphonate, Acid malic, Acid Sulphamic, Sodium hexameta-phosphate	Gói	50; 100; 500g; 1kg	Tiêu độc, sát trùng chuồng trại, dụng cụ, phương tiên vận chuyển, tiêu độc xác súc vật chết	TWII-114
22	Vắc xin THT trâu bò nhũ dầu chủng P52	Vi khuẩn P.multocida serotype B:2 vô hoạt	Chai	20; 50ml	Phòng bệnh tụ huyết trùng trâu, bò	TWII-115

24. Công ty liên doanh BIO-PHARMACHEMIE

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Biodine	P.V.P.Iodine	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 Lít	Tiêu diệt các loài virus, vi trùng, bào tử nấm mốc	LD-BP-266
2	BIO-Povidine	1-Vinyl-2-yrrolidinone polymers, iodine complex	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 Lít	Thuốc sát trùng chuồng trại gia súc, gia cầm	LD-BP-332
3	Bioxide	Glutaraldehyde; Alkylbenzyl-dimethyl, Ammonium chloride	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 Lít	Diệt virus, vi trùng, bào tử nấm mốc Mycoplasma	LD-BP-342
4	Biosept	Glutaraldehyde; Octyldecyldime-thylammonium chloride	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 Lít	Sát trùng hiệu quả các mầm bệnh, virus, vi khuẩn Gr(-), Gr(+), bào tử, nấm mốc, Mycoplasma	LD-BP-350
5	Bio-shampoo 1 (Care)	Permethrin	Chai, lọ Can, gói	50, 60, 100; 120; 150, 200, 250, 500ml; 1, 2, 5, 20 Lít; 5; 7,5ml	Điều trị hiệu quả ghẻ, rận trên heo nái, chó, mèo	LD-BP-393
6	Bio-shampoo 2 (Skin)	Amitraz	Chai, lọ Can	60, 120, 200, 250, 500ml 1, 5 Lít	Phòng, trị ghẻ do demodex, sarcoptes	LD-BP-394

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
7	Bio-shampoo 3 (Pet)	Amitraz	Chai, lọ Can	60, 120, 200, 250, 500ml 1, 5 Lít	Phòng trị ghẻ do demodex, sarcoptes	LD-BP-395
8	Bio-shampoo 5 (Derma)	Amitraz, Ketoconazole	Ống, chai	2;5;7,510; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250ml	Phòng, trị bệnh ghẻ do demodex, carcoptes, bọ chét	LD-BP-426
9	Bio-Shampoo 6 (Fresh)	Xà phòng; vitamin E, B_6	Chai/ ống	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Tẩy sạch lông da, dưỡng da lông	LD-BP-442
10	Bio-Finil	Fipronil	Chai, ống	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Diệt ve, rận, bọ chét ở chó, mèo	LD-BP- 440
11	BIO-Oxytocin	Oxytocin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Đẻ khó, cơ tử cung co bóp yếu, sót nhau, viêm tử cung, tăng tiết sữa	LD-BP-60
12	BIO-Calcium	Calcium	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Điều trị các bệnh thiếu calci, bảo vệ mạch máu, làm tăng đông máu	LD-BP-104
13	BIO-Calci fort	Calcium	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng trị các bệnh thiếu calci, magnesium ở trâu bò, heo, dê cừu	LD-BP-343
14	BIO-Electroject	Dextrose, Sorbitol, Sodium lactate, Sodium chloride	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100, 250ml	Cung cấp chất điện giải, trị tiêu chảy, ói, ngộ độc	LD-BP-348

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
15	BIO-Calcimax	Calcium, Boric acid	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng và trị các bệnh thiếu calci trên trâu, bò, heo, dê, cừu	LD-BP-370
16	Bio-shampoo 4 (Jolie)	Vitamin E, B_6	Chai, lọ Can, gói	5; 7, 5; 60, 120, 150; 200, 250, 500ml; 1,5 Lít	Khử mùi hôi, làm sạch lông, chống rụng lông, tăng sức đề kháng	LD-BP-397
17	Bio-Gestrone	Progesteron	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Phòng ngừa sảy thai trên heo nái, trị chậm lên giống trên heo hậu bị	LD-BP-451

25. Công ty TNHH một thành viên dược thú y Thuận Kiều

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Probizyme	Lactic acid Bacteria, Enzyme	Gói	30, 50, 100, 500, 1000g	Tăng khả năng hấp thu chất dinh dưỡng, cân bằng vi sinh vật có lợi	HCM-X1-50
2	Vetrolyte	Sodium, Potassum, Bicarbonate	Gói, lon	5, 10, 20, 50, 100, 500, 1000g	Trị cảm nóng, giải nhiệt	HCM-X1-32

26. Công ty cổ phần Sài Gòn V.E.T

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	SG. Oresal	Natri clorua, Natri citrate, Kali clorua,	Gói	10, 20, 30, 50; 56, 100, 500g, 1kg	Bù nước khi thú bị tiêu chảy	HCM-X2-65
2	Antivirus-FMB	Alkyldimethylbenzyl ammonium, Glutaraldehyde, Octyldecyldimethyl ammonium chloride, Dioctyl-dimethylam monium, Didecyl-dimethylam monium chloride, Thymol	Lọ, chai	10; 20; 60; 100; 120; 250; 500ml; 1 lít	Thuốc sát trùng giúp tiêu diệt virus, vi khuẩn gây bệnh Gumboro, Newcatle, CRD, FMD	HCM-X2-66
3	Electrolyte	Sodium Bicarbonate, Potassium Chloride, Mg, Cu, Zn, $FeSO_4$	Gói, hộp	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1kg, 100g, 1kg	Phục hồi chất điện giải trong thời gian thú bị stress, sốt cao, tiêu chảy	HCM-X2-122
4	S.G Subtyl	Bacillus subtillis	Gói, hộp, bao	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1kg 100g, 1kg; 5kg, 10kg	Chống tiêu chảy, rối loạn tiêu hóa	HCM-X2-142
5	S.G Oxytocin	Oxytocin	Ống, lọ	2; 4; 5; 6; 8; 10; 15; 20; 50; 100ml	Kích thích co thắt cơ trơn, giúp thú sinh đẻ dễ dàng	HCM-X2-154

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
6	Shampoo for pet	Permethrin, natri lauryl sulfate, Chloride etyl sulfate, Glycerin	Tuýp	190ml	Dầu tắm trị ghẻ, ve, bọ chét cho chó	HCM-X2- 166
7	Calci-Max	Calcium gluconate, Acid boric, Magnesium chloride, Dextrose	Ống, chai	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do thiếu canxi, magiê, rối loạn chuyển hóa canxi, trường hợp ngộ độc, chứng chảy máu ở gia súc	HCM-X2- 174
8	SG Blue SP	Neomycin sulfate Blue Methylen	Chai	100ml	Sát khuẩn, diệt bào tử vi khuẩn, nấm mốc, sát trùng vết thương ngoài da	HCM-X2- 192
9	Pividine	PVP Iodine	Chai	60; 120; 250; 500ml; 1 lít	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, dụng cụ vắt sữa, sát trùng ngoài da, vết thương, bầu vú, khử trùng nguồn nước uống	HCM-X2-222
10	Aclimat 3.0	Sweet cumin	Tuýp	10; 20; 30; 50; 100; 200ml	Giúp thú nuôi giảm bớt hung dữ. Trị các vết xà mâu, ghẻ lở, vết cọ xước, trầy sưng, chảy nước vàng và các vết thương do nhiễm trùng da	HCM-X2-232

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
11	SG. Methomyl	Methomyl	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg	Diệt ruồi trong các trại chăn nuôi	HCM-X2-234

27. Công ty TNHH Minh Huy

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Xanh methylen	Methylen blue	Lọ, chai	50, 100ml	Xát trùng vết thương ngoài da	HCM-X4-55
2	Cồn Iod	Iod, IK	Lọ, chai	50, 100ml	Xát trùng vết thương ngoài da	HCM-X4-56
3	Sulfat Kẽm	$ZnSO_4$	Gói	5g, 10g	Bổ sung khoáng	HCM-X4-72
4	Sulfat Magnesium	$MgSO_4$	Gói	5g, 10g	Phòng và trị bệnh do thiếu Mg	HCM-X4-73

28. Cơ sở sản xuất dược thú y Khoa Nguyên

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	KN.Benko	Benzalkonium	Chai	50; 100; 500; 1000ml	Thuốc sát trùng	HCM-X5-44
2	KN-Yucca	Saponin	Gói	50; 100; 500g; 1kg	Khử mùi hôi và khí amoniac từ chất thải; phân giải các chất hữu cơ,…	HCM-X5-48

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3	KN-Mangin	Mangiferin, Camphor, Menthol	Lọ	20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Sát trùng ngoài da; vệ sinh cơ quan sinh dục trên gia súc	HCM-X5-56
4	Arsunman (KN-Alsarin)	Mangiferin	Lọ	20; 50; 100; 250; 500ml	Điều trị lở loét do virus Herpes; ghẻ, nấm ngoài da	HCM-X5-57

29. Công ty TNHH sản xuất thương mại 533

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Sulfat kẽm	Sulfat kẽm	Gói	5 g	Trị xà mâu	HCM-X7-25
2	Magnesium sulfat	Sulfat magnesium	Gói	5 g	Nhuận tràng	HCM-X7-26
3	Bột khoáng gia súc Avioplastin	$CuSO_4$; $FeSO_4$ $ZnSO_4$; $MnSO_4$	Gói Hộp	20; 200 g 500; 1000g	Cung cấp khoáng	HCM-X7-38
4	Lacticomix	Lactobacillus, Acidophilus	Gói Hộp	5; 10; 20; 50 g 100; 500; 1000g	Men tiêu hóa trị tiêu chảy	HCM-X7-42
5	Xanh methylen	Xanh Methylen	Chai	50; 100ml	Sát trùng	HCM-X7-45

30. Công ty TNHH sản xuất thuốc thú y Thịnh Á

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Biotyl	Bacillus subtilis, Lactose	Gói	5, 50, 100, 500g; 1kg	Bổ sung men tiêu hóa - giúp tăng tiêu hóa cho heo, gia cầm	HCM-X11-82

31. Công ty TNHH thương mại và sản xuất Việt Viễn (VIVCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Khoáng heo	Fe, Zn, Mn, Cu, I, Se, Co, Ca	Gói Bao	2; 5;10; 20; 50; 100; 200; 500g 1; 2; 5; 10 kg	Phòng chống còi xương, loãng xương, rụng lông, da khô, bại liệt ở heo nái đang cho con bú,….	HCM-X15-18
2	Khoáng gia cầm	Fe, Zn, Mn, Cu, I, Se, Co, Ca.	Gói Bao	2; 5;10; 20; 50; 100; 200; 500g 1; 2; 5; 10 kg	Phòng chống các bệnh thiếu khoáng trên gia cầm như: còi cọc, xù lông, vỏ trứng mềm, bại liệt,...	HCM-X15-19
3	Oralyte	$NaHCO_3$, KCl, NaCl.	Gói Bao	2; 5;10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị mất nước do tiêu chảy sốt cao, stress hoặc di chuyển	HCM-X15-20
4	Thuốc mỡ ghẻ	S, $CuSO_4$, $ZnSO_4$	Lọ, chai	2, 5, 10, 20, 30, 50g	Diệt cái ghẻ, bệnh ngoài da	HCM-X15-113
5	Aquadone-50	Polyvinyl pyrolidone iodine	Chai Can	50; 100; 500ml, 1 lít; 2; 5 lít	Diệt các loại vi khuẩn, vi nấm, virus, bào tử và protozoa gây bệnh	HCM-X15-139
6	Aquadone-100	Polyvinyl pyrolidone iodine	Chai Can	50; 100; 500ml, 1 lít 2; 5 lít	Diệt các loại vi khuẩn, vi nấm, virus, bào tử và prôtozoa gây bệnh	HCM-X15-140

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
7	Kilimax-100	[mono,bis (trimethylam moniummethilene]-alkyl(C_{9-15})	Chai Can	50; 100; 500ml, 1 lít 2; 5 lít	Sát trùng thiết bị truyền giống, chuồng nuôi, phòng trị các bệnh do vi khuẩn, nấm, mycoplasma	HCM-X15-141
8	Kilimax-200	[mono,bis (trimethylam moniummethilene]-alkyl(C_{9-15})	Chai Can	50; 100; 500ml, 1 lít 2; 5 lít	Sát trùng thiết bị truyền giống, chuồng nuôi, phòng trị các bệnh do vi khuẩn, nấm, mycoplasma	HCM-X15-142
9	Titandor-50	Akylbenzyldimethyl ammonium chloride	Chai Can	50; 100; 500ml, 1 lít 2; 5 lít	Sát trùng thiết bị truyền giống, chuồng nuôi	HCM-X15-143
10	Titandor-100	Akylbenzyldimethyl ammonium chloride	Chai Can	50; 100; 500ml, 1 lít 2; 5 lít	Sát trùng thiết bị truyền giống, chuồng nuôi	HCM-X15-144
11	Biocid-300	Sodium dichloroisocyanurate	Chai Can	50; 100; 500ml, 1 lít; 2; 5 lít	Sát trùng chuồng nuôi, trang thiết bị chăn nuôi, vận chuyển	HCM-X15-145
12	Biocid-600	Sodium dichloroisocyanurate	Chai Can	50; 100; 500ml, 1 lít; 2; 5 lít	Sát trùng chuồng nuôi, trang thiết bị chăn nuôi, vận chuyển	HCM-X15-146
13	Multi-Germ	Sodium hypochloride	Túi	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5kg	Sát trùng chuồng nuôi, trang thiết bị chăn nuôi, vận chuyển	HCM-X15-147

32. Công ty TNHH thương mại và sản xuất thuốc thú y Gấu Vàng

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Gava Lactogen	Khoáng, Folic acid	Gói	500g; 1kg	Phòng và trị các bệnh thiếu khoáng cho gà, vịt, cút: bại liệt, rụng lông, còi xương	HCM-X17-18
2	Khoáng gia súc	Khoáng, Folic acid	Gói	500g; 1kg	Phòng và trị bệnh thiếu khoáng cho gia súc: heo, trâu, bò, dê, cừu	HCM-X17-19
3	Gavaferm - HG	A, D_3, E, nhóm B, men vi sinh	Gói	1kg	Phòng và chống bệnh thiếu protein, vitamin và khoáng. Tăng hiệu quả sử dụng thức ăn. Tăng sức đề kháng, chống Stress	HCM-X17-95
4	Gava 7 way	Amylase, Lactobacillus, Streptococcus faecalis	Gói	20g, 1kg	Phòng, trị chứng tiêu chảy heo con theo mẹ và heo con cai sữa. Phục hồi hệ vi sinh đường ruột	HCM-X17-98
5	Bacizyme Corn	Enzyme, khoáng	Gói	50g, 1kg	Chống chướng hơi, sinh bụng, tiêu chảy	HCM-X17-100
6	Gava Chick	Khoáng, Vitamin, đạm sinh học	Gói	1kg	Cung cấp và cân bằng các amino acid, khoáng, hữu cơ vi - đa lượng và các enzyme cho gà con	HCM-X17-103

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
7	O.R.S	Glucose, Sodium chloride, Trisodium citrate, Potassium chlorid	Gói	30g	Phục hồi chất điện giải khi thú bị Stress. Thay thế dịch thể đã mất khi thú bị tiêu chảy, mất nước	HCM-X17-113
8	Electrolytes	Citricacid,Sodiumcloride, Potassium cloride, Sodium bicarbonate	Gói	100g	Cân bằng các chất điện giải cho gia súc, gia cầm. Phòng và trị mất nước do tiêu chảy, chống Stress	HCM-X17-115
9	Gava 100	Vitamin, Khoáng, Enzyme	Gói	2kg	Giúp heo con tập ăn và heo con cai sữa tăng trọng nhanh. Phòng ngừa tiêu chảy, viêm phổi	HCM-X17-123
10	Gavalactyl	Nhóm vi khuẩn lactis	Gói Gói	3g 50g	Phòng và trị các chứng viêm ruột, tiêu chảy do E. coli, rối loạn hệ vi sinh đường ruột	HCM-X17-128
11	Gavalact	Lactobacillus, B. subtilis, Sac.cerevisiae Vit B_1, B_6, C	Lon	500g	Tăng cường sức đề kháng chống lại bệnh nhiễm trùng. Tăng tỷ lệ tiêu hóa thức ăn. Ngăn ngừa sự phát triển vi khuẩn có hại trong đường ruột	HCM-X17-136
12	Gavatin	Strep. faecalis, Bacillus mesentericus, Beer yeast, Vit C	Lon	500g	Tăng khả năng tiêu hóa, phòng ngừa sự phát triển các vi khuẩn có hại trong đường ruột	HCM-X17-137

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
13	Men B. S	Bacillus subtilis	Gói	100g, 1kg	Tăng cường và ổn định hệ vi sinh đường ruột. Tăng tỷ lệ tiêu hóa, tăng trọng nhanh	HCM-X17-138
14	Sát Trùng - GB	Glutaraldehyd, Benzalkonium chloride	Lọ Can	100ml 1 lít, 4 lít	Thuốc diệt các loại vi trùng, bào tử vi trùng, Mycoplasma spp.,… nấm mốc và ký sinh trùng gây bệnh cho gia súc, gia cầm...	HCM-X17-154
15	ECOF 400	Cipermethrin	Chai/ ống	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 L; 4 L	Diệt bọ chét, ve, rận, mạt, ruồi, gián, kiến. Sát trùng vết thương, chuồng trại	HCM-X17-163
16	Enrozyme 198	Enrofloxacin, Men sinh học, Vit C	Lon	1kg	Phòng ngừa các bệnh nhiễm trùng. Kích thích tăng trưởng, cải thiện hiệu quả sử dụng thức ăn	HCM-X17-139
17	Gava 300	Acid amin, Chất béo, Chất xơ, Khoáng vi-đa lượng, Vit A, D_3, E, K, B. Complex, Enzyme và các dòng men vi sinh.	Gói	2kg	Cung cấp đầy đủ các Amino acid, các dòng men vi sinh hữu ích, chống hội chứng sốt sữa, viêm vú, viêm tử cung, bại liệt, hư móng... các Vitamin và 25 loại Khoáng hữu cơ vi - đa lượng	HCM-X17-149

33. Công ty TNHH TM-SX thuốc thú y Song Vân

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Entra levure	Men tiêu hóa B.Subtilis	Gói Lọ, chai	10, 50, 100g 10, 50, 1000, 1,5 Kg	Chống rối loạn tiêu hóa, cân bằng hệ thống men tiêu hóa	HCM-X18-21
2	Mosquaty	Pyrithroid permethrin	Bình, xịt	100, 200, 250ml	Trị KST ngoài da, ve, bọ, rận, muỗi	HCM-X18-49
3	Neocidog	Diazinon	Chai	100, 250, 500ml	Diệt côn trùng, bọ, ve, chấy, rận	HMC-X18-30
4	Solamid	Chloramin	Gói, chai	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000g	Sát trùng, tẩy uế, rửa vết thương	HCM-X18-55
5	Super - Milk	Muối Natri, Kali, Canxi PO_4,CO_3, khoáng	Gói Lọ, chai	100, 250, 500g 100, 250, 500g	Tăng cường sản lượng sữa, phòng một số bệnh như sốt sữa, bại liệt	HCM-X18-22
6	Oresol^{SV}	Natri clorua, Kali clorua, Natri citrat, Glucoza	Gói Lọ, chai	10, 50, 100g 10, 50, 100g	Bổ sung năng lượng, muối khoảng, điện giải	HCM-X18-35

34. Công ty TNHH Quốc Minh

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	QM-Laczyme Soluble	Lactobacillus Acidophilus	Gói Hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 500g; 1, 10; 20kg	Cung cấp các vi khuẩn có lợi giúp kích thích tiêu hóa ngăn ngừa tiêu chảy, tiêu phân sống	HCM-X20-14

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	QM Oxytocin	Oxytocin	Ống, lọ	2 ml, 5 ml 10 ml	Điều trị sinh khó do tử cung co bóp yếu, sót nhau, sa tử cung, viêm tử cung, viêm vú, thuốc kích thích thải sữa, giúp bầu vú sạch	HCM-X20-55
3	QM-Supercide	Glutaraldehyde, Alkylbenzyl dimethyl Ammonium chloride	Lọ, chai	100; 250; 500ml; 1; 2 lít	Sát trùng chuồng trại, lò ấp trứng, dụng cụ, thiết bị	HCM-X20-88
4	QM-Skin Shampoo	Deltarmethrin	Gói, chai	10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1 lít	Diệt ve, chí, rận, giúp lông sạch, mượt trên chó, mèo	HCM-X20-97

35. Doanh nghiệp tư nhân Phúc Thọ

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Lukenmix	L. Bacilus, Amylase, Proteinase, các Vitamin	Gói-hộp	5, 10, 50, 100g 500, 1000g; 10 Kg	Chống tiêu chảy, kích thích tiêu hóa. Bổ sung vitamin cho vật nuôi	HCM-X23-11

36. Công ty TNHH kinh doanh thuốc thú y Minh Ngân

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Calphos-Vita	Vitamin A, D_3, E, Dicalcium phosphate	Gói	200, 500, 1.000g	Bổ sung calci, phospho và các loại Vitamin cần thiết; Phòng và trị bệnh còi xương	MNV-31
2	Elect Oresol	NaCl, KCl, glucose	Gói Hộp	10; 15; 18; 30; 50g 100; 500; 1000g	Dùng bù nước và chất điện giải cho gia súc, gia cầm bị tiêu chảy	MNV-32
3	Vi khoáng gia cầm	Fe, Cu, Zn, Mn, Mg, I, Se	Gói, hộp	50, 100, 200, 500g, 1, 5, 10kg	Ngừa và điều trị các bệnh về dinh dưỡng do thiếu khoáng vi lượng	MNV-54
4	Vi khoáng heo	Fe,Cu, Zn, Mn, Mg, I, Se	Gói Hộp	100; 200; 500; 1kg; 1; 5; 10 Kg	Phòng, trị thiếu hụt khoáng vi lượng cho heo	MNV-58
5	Xanh Methylen	Bleu methylen	Lọ, chai	60, 100, 500, 1.000ml	Thuốc sát trùng ngoài da, sát trùng vết thương lở loét	MNV-67
6	Digestive Enzym Plus	Enzym tiêu hóa tổng hợp, Saccaromyces, Vitamin nhóm B	Hộp, gói	5; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Kích thích tiêu hóa, Ngăn ngừa và trị nhiễm trùng đường ruột do: E.coli, Vibrio, Aeromonas	MNV-72
7	Cồn Iod	Iod	Lọ	60; 100; 500; 1000ml	Sát trùng vết thương, phẫu thuật, thiến hoạn, tiêm, và băng rốn heo con sơ sinh	MNV-91
8	MN Iodine Complex	Polyvidone iodine	Lọ, bình	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000; 2000ml	Thuốc sát trùng dùng trong chăn nuôi thú y	MNV-94

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
9	Benkona	Benzalkonium chloride, Amyl acetate	Lọ	50; 100; 250; 500; 1000ml	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, phương tiện vận chuyển gia súc, gia cầm	MNV-92

37. Công ty TNHH mỹ phẩm Hoàng Anh

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Dầu tắm chó, mèo FAY	Sodium Lauryl, Ether Sulfate, hương liệu	Chai	12; 100; 120; 200; 220; 300; 330; 500; 750; 800ml; 1, 2, 5 lít	Khử mùi hôi da, lông của chó, mèo	HCM-X25-1
2	Xà phòng tắm chó, mèo FAY	Xà phòng, hương liệu	Hộp	50; 90; 100;120g	Khử mùi hôi da, lông của chó, mèo, làm sạch ve, rận	HCM-X25-2
3	Nước hoa chó, mèo FAY	Ethylic, hương liệu	Chai	90; 100; 125; 150; 175; 200; 300; 330; 350; 375; 400; 650; 700ml	Khử mùi hôi da, lông của chó, mèo, làm sạch ve, rận	HCM-X25-3
4	Nước hoa chó, mèo Palma	Etylic, tinh dầu họ Citrus	Chai	90; 100; 120; 150; 175; 200; 300; 350; 375; 400; 650; 700ml	Khử mùi da lông, làm sạch ve, rận	HCM-X25-4
5	Dầu tắm chó, mèo Palma	Sodium lauryl Ether sunfate (SLSE), Tinh dầu họ Citrus	Chai nhựa	12; 100; 120; 150; 200; 300, 500; 750; 800ml; 1; 2; 5 lít	Vệ sinh da lông thú, khử mùi hôi, làm sạch ve, rận	HCM-X25-5

6	Phấn thơm Fay powder (xà phòng khô Fay powder)	Talcum, ZnO, Cornstarch, tinh dầu Citrus	Chai nhựa	100; 120; 200g	Khử mùi, làm sạch da lông, trừ ký sinh trùng trên da, lông	HCM-X25-6
7	Palma care	Soap pellet, Citrus oils, Cajeputol	Hộp giấy	100g	Khử mùi hôi dưỡng lông, giảm khô, rụng lông trên chó, mèo	HCM-X25-7
8	Fay xịt phòng trừ ve, rận	Fipronil	Chai	100; 120; 200; 300; 400; 500; 750; 800ml 1; 2; 5 lít	Diệt ve, rận, bọ chét ký sinh trên da	HCM-X25-8

38. Công ty TNHH TM & SX thuốc thú y NAPHA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	PVD-Iodine	Povidone iodine	Chai, can	5; 10; 20; 50; 60; 100; 120; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Sát khuẩn, chống nấm	HCM-X24-74

39. Công ty TNHH thuốc thú y - thủy sản Hương Hoàng Nam

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Xanh Methylen 1%	Xanh Methylen	Lọ	10, 50, 100, 250 ml	Sát trùng vết thương, vết nứt nẻ ở chân, vú, miệng cho trâu, bò, lợn	HHN - 1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Mỡ ghẻ	Tesyichloramide Na, Copper sulfate, Zinc sulfate, Parafin	Lọ nhựa	25; 50; 100 g	Trị viêm da, xà mâu, hà móng, hoại tử trên gia súc, gia cầm	HHN - 5

40. Công ty TNHH Kiến Vương

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	KV-Iodine 10	Povidone iodine	Chai, can	500ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Sát trùng vết thương, dụng cụ, chuồng trại chăn nuôi	HCM-X28-1
2	KV-BKC 40	Benzalkonium chloride	Chai, can	500ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Sát trùng dụng cụ, chuồng trại, môi trường chăn nuôi	HCM-X28-2

TỈNH TÂY NINH

41. Công ty TNHH TM-SX A.S.T.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Subtizym	Bacillus subtilis, Lactobacillus, Protease	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị rối loạn tiêu hóa, cải thiện hệ vi sinh vật đường ruột khi bị mất cân bằng khi sử dụng kháng sinh	ASTA-49

TỈNH BÌNH DƯƠNG

42. Công ty TNHH BAYER Việt Nam

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	De-Odorase	Chất khử mùi hôi chiết xuất từ cây Yucca schidigera	Gói Xô Thùng	20g; 100g; 500g; 750g; 1kg 2,5kg; 5kg; 7,5kg 10kg; 25kg	Khử mùi amoniac hạn chế ô nhiễm môi trường không khí và nước	BAS-41
2	A-T 110 Electrolytes Water Soluble	Citric acid; Sodium chloride; Sodium bicarbonate; Potassium chloride	Gói Xô; Thùng	100g; 250g 500g; 1kg; 2,5kg; 5kg; 7,5kg 10kg; 25kg	Phòng và trị các trường hợp mất nước gây ra bởi các bệnh đường ruột	BAS-62

43. Công ty liên doanh TNHH ANOVA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Novazyme	B.subtilis, Sac. Cerevisiae, Amylase, lipase,protease, hemicellulase, acid amin, phospho, calcium, khoáng; vitamin B_1, B_2, B_6, E, pantothenic acid, niacin, choline, folic acid và acid hữu cơ	Gói Túi Hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg, 5kg 100; 200; 500g; 1kg 10kg; 25kg	Ổn định và cân bằng hệ vi sinh đường ruột, giúp phòng ngừa hữu hiệu các bệnh viêm ruột, tiêu chảy. Nâng cao khả năng tiêu hóa, phòng ngừa chứng tiêu phân sống, giúp thú mau lớn, tiết kiệm thức ăn	LD-AB-21

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	NOVA-Aminolytes	Sodium bicarbonate, Potassium chloride, Sodium chloride, Calcium, Methionine	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 10kg; 25kg	Chống cắn mổ. Chống stress lúc tiêm phòng hoặc trời nắng nóng. Giải nhiệt và chống mất nước trong các bệnh sốt cao, tiêu chảy	LD-AB-33
3	NOVA-Dextrolytes	Dextrose, potassium chloride, citric acid, sodium chloride	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg, 5kg,100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Chống stress và cắn mổ lúc trời nắng nóng. Chống mất nước và mất chất điện giải trong các bệnh sốt cao, tiêu chảy	LD-AB-36
4	Novadine	Iodine	Chai, lọ Can	30; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít 1; 2; 4; 10; 20 lít	Tiêu diệt virus, vi khuẩn, Mycoplasma, nấm mốc gây bệnh	LD-AB-40
5	Novacide	Glutaraldehyde, Dimethyl Alkylbenzyl C12-C14-C16 ammonium	Chai, lọ Can	30; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít 1; 2; 4; 10; 20 lít	Có phổ diệt khuẩn rộng đối với virus, vi trùng, bào tử vi trùng, Mycoplasma, nấm mốc	LD-AB-39
6	Novasept	Alkyldimethylbenzyl ammonium chloride, Didecyldimethylammonium chloride, Glutaraldehyde	Chai, lọ Can	30; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít 1; 2; 4; 10; 20 lít	Thuốc sát trùng đối với các loại mầm bệnh như virus, vi trùng, bào tử vi trùng, Mycoplasma, nấm mốc gây bệnh	LD-AB-41

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
7	Nova-Acilac	Acid Lactic, L-acid Tartric, acid malic, Orthophosphoric acid, acid citric; Enzyme tiêu hóa: Amylase, Protease, Lipase, Hemicellulase, Glucanase; Chất khoáng; Vitamin	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5 kg 100; 200; 500g, 1; 10kg; 25kg	Nâng cao tỷ lệ tiêu hóa hấp thu dinh dưỡng; tiêu diệt vi trùng gây bệnh đường ruột; phòng ngừa các bệnh về đường tiêu hóa	LD-AB-71
8	Nova-Calcium-D	Calci gluconate, Calci glucohepatonat, Calci D- saccharate,Vit B_{12}	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Cung cấp calcium, điều trị kịp thời và hiệu quả bệnh do thiếu Calcium xảy ra trên trâu, bò, dê, cừu, ngựa, chó, mèo	LD-AB-80
9	Nova-Elecject	Dextrose monohydrate, Sorbitol, Sodium lactase, Sodium chloride, Potassium chloride, Mg chloride, Ca.chloride, Chloride	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Điều trị mất nước, thiếu năng lượng và mất chất điện giải trong trường hợp sốt cao. Tiêu chảy kéo dài, ói mửa, các trường hợp giảm huyết áp do Shock, ngộ độc cấp tính, mất máu	LD-AB-90
10	Dinospray	PVP Iodine	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1; 4 lít	Khử trùng vết thương, vết thiến, vết mổ	LD-AB-107

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
11	Nova-Yellow shampoo	D- Pantanol, Vitamin E, B_6, Biotin, Zinc	Chai, lọ	50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Khử mùi, sạch lông, chống rụng lông, dưỡng da trên chó, mèo	LD-AB-120
12	Nova- Green shampoo	Permethrin	Chai, lọ	50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị ve, rận, bọ chét trên chó, mèo	LD-AB-121
13	Nova- Pink shampoo	Amitraz, Ketoconazole	Chai, lọ	50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Phòng và trị ghẻ, bọ chét kết hợp với nấm da trên chó, mèo	LD-AB-122
14	Nova-Oxytocin	Oxytocin	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100ml	Tăng co bóp tử cung, sót nhau, kích thích tiết sữa	LD-AB-134
15	Nova-MC.A30	Didecyl dimethyl ammonium chloride, Protectol, Edetate	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1; 2; 5; 10; 25l	Khử trùng chuồng trại, phương tiện vận chuyển, khử trùng lò mổ, khử trùng nước	LD-AB-148

44. Công ty TNHH TM và sản xuất thuốc thú y Minh Dũng

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	MD Electrolytes	Sodium bicarbonate; Sodium chloride; Dextrose; Potassium Chloride	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Cung cấp chất điện giải trong các trường hợp bị mất nước do tiêu chảy, sốt cao, thời tiết nóng, chống stress khi có sự thay đổi môi trường	HCM-X22-21

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	MD Biolaczym	Bacillus sustilis	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Phòng và trị bệnh đường ruột do vi khuẩn E. coli, Salmonella, Clostridium, giúp tiêu hóa thức ăn, ngừa rối loạn tiêu hóa, loạn khuẩn do sử dụng kháng sinh	HCM-X22-23
3	MD Anti Stress	Sodium bicarbonate; Sodium chloride; Calcium gluconate; Potasium chloride; Magnesium -sulfate; Vitamin C	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Chống stress, tăng sức đề kháng, chống mất nước, mất chất điện giải, giải nhiệt trong các trường hợp nóng bức, thay đổi môi trường	HCM-X22-27
4	MD Aminolyte	Lysin; Calcium Gluconate; Methionin; Sodium -Bicarbonate; Sodium -Chloride; Dextrose; Potassium Chloride	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Điều trị các trường hợp mất nước do tiêu chảy, sốt cao, thời tiết nóng. Chống stress do thay đổi thời tiết, chuyển chuồng, thay đổi thức ăn	HCM-X22-34
5	MD Bacilac Plus	Bacillus; Organic acid; Vit A, D_3	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Phòng và trị các bệnh đường ruột: E.coli, Salmonella, Clostridium, rối loạn đường ruột	HCM-X22-41

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6	MD Lactic	Acid lactic, Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, Folic acid	Gói, bao	5g, 10g, 20g, 30g, 50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 10kg	Cung cấp vitamin tổng hợp, giúp tăng sức kháng bệnh, hạ độ pH đường ruột, tăng khả năng hấp thụ thức ăn	HCM-X22-49
7	MD Phexid	Phenol	Chai, lọ, can	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml, 1 lít	Điều trị các chứng lở loét ngoài da, viêm móng, nứt móng, thối móng, da hóa sừng	HCM-X22-53
8	MD Diodine	P.V.P Iodine	Chai, lọ, can	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml, 1 lít	Khử trùng nguồn nước uống, sát trùng vết thương, sát trùng chuồng trại…	HCM-X22-55
9	MD Prozyme	Bacillus subtilis, Saccharomyces	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh tiêu chảy, tăng sức đề kháng	HCM-X22-116
10	MD Biofat	B.subtilis, Lysin, Methionine, S.cerevisiae	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g, 1kg; 5; 10kg	Ngăn ngừa tiêu chảy, sưng phù mặt do E.coli, giúp heo ăn nhiều, tiêu hóa tốt, mau lớn	HCM-X22-145
11	MD Oxytocin	Oxytocin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Tăng co bóp tử cung, sót nhau, kích thích tiết sữa	HCM-X22-166
12	MD Oxide ADC	N-akyldimethyl, Glutaraldehyde	Chai, lọ, can	100; 500; 1; 5 lít	Thuốc sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, sát trùng vết thương	HCM-X22-180

45. Công ty TNHH thương mại và sản xuất thuốc thú y SAPHA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Lactizym	Lactobacilus-Acidophilus	Gói, bao, hộp	5g, 10g, 50g, 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Men tiêu hóa sống, ngừa tiêu chảy và Ecoli	SAFA-21
2	Saviod	Polyvinyl pyrrolidone-Iodine	Chai, can	10; 20; 40; 80; 100; 200ml 500ml; 1; 2; 3; 5; 6; 7; 8; 9; 10; 15; 20 lít	Sát trùng chuồng trại dụng cụ vắt sữa, sát trùng ngoài da, bầu vú	SAFA-39
3	SAFA E - Terone	Progesterone, Vitamin E	Chai	20; 50; 100; 200ml	Điều chỉnh chu kỳ động dục, sinh non, sảy thai, loạn sản	SAFA-62

TỈNH ĐỒNG NAI

46. Công ty TNHH VIRBAC

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Protect	Potassium peroxymonosulfate, Malic acid, Sulfamic acid, Dodecyl sodium sulfate	Gói, hộp, xô	10; 20; 100g; 1; 10; 25kg	Sát trùng bề mặt và không khí chuồng nuôi gia súc, gia cầm	LDVV-28

TỈNH LONG AN

47. Công ty TNHH dược phẩm thú y - thủy sản Long An

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Lavecide-LA	Glutaraldehyde, Benzalkonium	Chai, bình	50; 100; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Sát trùng chuồng trại, lò ấp, lò giết mổ, phương tiện vận chuyển, tiêu độc	LAV-8
2	Enzym. Aubtyl.B	B. subtilic, L.acidophills, Saccharomyces, Vit B_1	Gói, hộp	5; 10; 50; 100g 500g, 1kg, 10kg	Phòng, trị các bệnh tiêu chảy cấp và mãn tính, loạn khuẩn đường ruột, rối loạn tiêu hóa do sử dụng kháng sinh lâu dài	LAV-59
3	Enzym. Aubtyl Amylase, Protease	Bacilus subtilic	Gói, hộp	5; 10; 50; 100g 500g, 1kg, 10kg	Phòng, trị các bệnh tiêu chảy cấp và mãn tính, các chứng rối loạn tiêu hóa ...	LAV-65
4	Sát trùng A.C.A	Benzal konium , $CuSO_4$, acid citric	Lọ	50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Sát trùng dụng cụ, chuồng trại, máy ấp, lò ấp và trứng, vết thương, vết mổ	LAV-80

TỈNH TIỀN GIANG

48. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Mỡ ghẻ xanh	Deltamethrin; $ZnSO_4$	Lọ	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh ngoài da: xà mâu, ghẻ, rận, rệp	CL-100

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Magie-Sulfate	Sulfate magie	Gói	5g	Trị bệnh táo bón, chống co giật	CL-107
3	Sulfate kẽm	Sulfate kẽm	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Điều trị bệnh do thiếu kẽm như da bị nổi sần đỏ, rụng lông, thuốc	CL-108
4	Calcimix	Vitamin A; E; D_3; Ca; P; khoáng vi lượng; Enzyme	Gói Lon	30; 50; 100; 200; 500; 1000g 30; 50; 100; 200; 500; 1000g 100; 200; 500; 1000g	Ngừa và trị chứng còi cọc chậm lớn do suy dinh dưỡng ở heo con, gà vịt con, bê, nghé, phòng chứng mềm, xốp, cong xương	CL-113
5	Mỡ ghẻ vàng	Deltamethrin	Lọ	5; 10; 25; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị các bệnh ngoài da ở gia súc như: xà mâu, ghẻ, rận, rệp, chí	CL-142
6	Bye-Cilox	Colistin sulfate, Lincomycin, acid lactic, Hemicellulase men α-amylase, Protease β-glucanase	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 500; 1000g; 2; 5; 10kg	Trị và ngừa bệnh tiêu chảy ở heo do nhiễm khuẩn đường ruột	CL-166
7	Shampoo-antipara	Deltamethrin	Chai	100; 200; 250; 500; 1000ml	Tắm sạch, trị ghẻ, ve, xà mâu, rận, chí, bọ chét ở heo, chó, mèo và gia súc khác	CL-243
8	Thuốc sát trùng chuồng trại	Glutaraldehyde, Benzalkonium chloride	Chai, can	50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Sát trùng chuồng trại, lò ấp, khử trùng nước, trứng trước khi ấp, tiêu độc xác chết	CL-270

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

49. Công ty cổ phần SXKD vật tư và thuốc thú y (VEMEDIM)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Sulfate Kẽm	Sulfate Kẽm	Gói, hộp	5-10-20-50-100-200-500g	Bổ sung kẽm, phòng các bệnh về da và móng	CT-59
2	Sulfate Magne	Sulfate Magne	Gói, hộp	5-10-20-50-100-200-500g	Bổ sung Magne, phòng trị táo bón	CT-60
3	Dung môi pha tiêm	Propylen Glycol Benzyl Alcohol	Chai, lọ ống	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1 lít; 5; 10ml	Dùng pha các loại thuốc tiêm khó tan	CT-96
4	Sinh lý mặn	NaCl 0, 9%)	Chai, lọ Ống	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1 lít; 5; 10ml	Pha các loại thuốc tiêm	CT-99
5	Hemofer (10 - 20%) + B_{12}	Iron Dextran Vitamin B_{12}	Chai, lọ ống	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1 lít, 2; 5; 10ml	Bổ sung sắt cho heo (lợn), phòng thiếu máu ở heo con	CT-102
6	Mineral	Khoáng các loại	Chai, lọ, can	20-50-100-200-250-500ml-1-5-10-20-25 Lít	Bổ sung khoáng cho GS-GC, chống mất nước trong các bệnh tiêu chảy	CT-138
7	Feriron	Iron Dextran	Chai, lọ Ống	5-10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1 lít; 2; 5; 10ml	Bổ sung sắt cho heo, chống thiếu máu do thiếu sắt	CT-141
8	Hemofer (10-20%)	Iron Dextran	Chai, lọ Ống	5-10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1 lít, 5; 10ml	Bổ sung sắt cho heo, chống thiếu máu do thiếu sắt	CT-147
9	Oxytocin	Oxytocin	Chai, lọ Ống	2-5-10-20-50-100-200ml 2; 5; 10ml	Tăng co bóp tử cung, cầm máu trong trường hợp chảy máu sau khi sinh	CT-164

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
10	Vimeral	Lysine, Methionin, Ca, P, Se, KI, Co, Mg, Cu, Fe, Zn, Mn	Gói, hộp bao, xô, thùng	20; 25; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 5; 6; 10; 20; 25Kg	Bổ sung acid amin và khoáng	CT-183
11	Vime-Iodine	Iodine	Chai, can	20; 50; 60; 90; 100; 120, 200; 250; 500ml; 1; 2; 5 Lít	Sát trùng vết thương	CT-206
12	Vime- CLOT	Tosyl chloramide Na, Hypochroride	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1Kg	Sát trùng vết thương	CT- 239
13	Vime-Subtyl	Bacillus subtilis	Gói; Lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg; 1; 3 ;4; 5; 6kg	Trị tiêu chảy, viêm đại tràng, còi cọc, rối loạn tiêu hóa	CT- 240
14	Vime-Baciflor	Florfenicol, Bacilus subtilis	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1Kg	Tiêu chảy heo và hô hấp trâu, bò	CT- 243
15	Vime-Protex	Alkyldimethylbenzyl amonium chloride, 1-5-pentanedial	Chai, can	100; 200; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chuyên chở gia súc, lò giết mổ, tẩy trùng dụng cụ chăn nuôi	CT-262
16	Spray dog	M-phenoxybenzyl-3-(2,2 dichlorovinyl) 2-2 dymethyl, Cyclopropa-necarboxylate	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 60; 90; 100; 120 ; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị ve, rận, bọ chét ở chó, trâu, bò	CT-274
17	Thuốc diệt ruồi	S-methyl N[(methylcarbamoxyl) oxy] thioacetimidate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Diệt ruồi, muỗi trong chăn nuôi thú y	CT-275

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
18	Vime-Shampo	M-phenoxybenzyl-3-(2,2 dichlorovinyl) 2-2 dymethyl, Cyclopropa-necarboxylate, Sod.Lauryl sulfte	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 60; 100; 250; 300; 500ml; 1; -5 lít	Trị ve, rận, bọ chét ở chó, trâu, bò	CT-276
19	Vizyme	Vi khuẩn sinh lactic, Bacillus subtilis, vitamin C, Lactobacillus spp, NaCl, KCl, Lactose	Gói, hộp, Xô, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg; 10; 15; 20; 25kg	Trị rối loạn tiêu hóa sau khi dùng kháng sinh, phòng chống stress, cân bằng điện giải	CT-286
20	Vime-Bacilac	Nấm saccharomyces, Lactobacillus, Bacillus subtilus	Gói, hộp, Xô, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg; 10; 15; 20; 25kg	Phòng chống tiêu chảy, viêm đại tràng, còi cọc; giữ cân bằng hệ vi sinh vật đường ruột, trị rối loạn tiêu hóa	CT-288
21	Vime-Blue	Bluemethylen, Oxytetracyclin, 1,5- Pentanedial, Isopropyl alcol	Chai, lọ	5; 10; 20; 50; 60; 100; 120; 200; 220; 250; 500ml; 1 lít; 5 lít	Trị nhiễm trùng vết thương ngoài da Sát trùng da khu vực chuẩn bị phẫu thuật, nơi tiêm, thiến.…	CT-293
22	Diptivet	Tosylchloramide Na, Copper sulfate, Zinc sulfate	Hộp/ tuýp	30, 500g	Điều trị bệnh ngoài da của gia súc, gia cầm	CT-294
23	O.S.T	Oestradiol cypionate	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị chứng không rụng trứng, gia súc cái động dục ẩn, khó thụ thai	CT-301

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
24	Vimekon	Potassium monopersulfate, Malic acid, Sodiumhe-xameta phosphate	Gói, hộp, xô, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1; 10; 15; 20; 25kg	Thuốc sát trùng chuồng trại, thiết bị, vệ sinh nước uống	CT-302
25	Vime-Yucca	Yucca schidigera (Saponin)	Gói, hộp, xô, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 10; 15; 20; 25kg	Khử mùi hôi trong chuồng trại	CT-328
26	Anti-Flu	Citric acid, Ascorbic acid, Malic acid, Glutamic acid, α-tocopherol, Selenium	Gói, hộp, xô, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 10; 15; 20; 25kg	Tăng sức đề kháng, phòng chống stress do nhiệt, vận chuyển trên gia cầm, heo con	CT-329
27	Chloramin - T	Chloramin T	Gói, hộp, xô, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 3; 5; 10; 12; 14; 15; 20; 25; 50kg	Thuốc sát trùng	CT-333
28	BKC	Benzalkonium Chloride	Chai/lọ Can	5; 10; 20; 50; 100; 120; 250; 500ml; 1; 2; 5; 20 lits	Sát trùng chuồng trại, phương tiện vận chuyển	CT-334

50. Công ty TNHH thuốc thú y Cần Thơ (VETERCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Sulfat Mg	Mg	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Bổ sung Mange	CT(TH)-82
2	Sulfat Zn	Zn	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Bổ sung kẽm	CT(TH)-83

51. Công ty TNHH thuốc thú y 2-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Sulfat kẽm	Zn	Gói	5g	Cung cấp chất kẽm cho gia súc, gia cầm	CT(X2-9)-64
2	Plastin-Iod	Mineral	Gói	250g	Ngừa và trị chứng ăn lông, rụng lông, bại liệt, còi xương	CT(X2-9)-74
3	Sulfat Magné	Sulfat Magné	Gói	5; 20; 50g	Ngừa rụng lông, nhuận tràng	CT(X2-9)-96
4	Iodine-Complex	Polyvinyl pyrrolidone complex (Iod hoạt tính)	Chai, can	250ml; 1; 2; 4 lít	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi	CT(X2-9)-161

52. Công ty thuốc thú y Hậu Giang (ANIVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Sulfat Magne	$MgSO_4$	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 1000g	Trị rụng lông, xổ phèn	CT(HG)-2
2	Sulfat kẽm	$ZnSO_4$	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 1000g	Trị xà mâu nứt da, yếu xương	CT(HG)-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3	Khoáng - Electrolytes	Acid citric, Sodium bicarbonate, Postassium chloride, Sodium chloride, $ZnSO_4$, Mg SO_4, Fe SO_4	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g	Duy trì cân bằng dịch thể ở gia súc, gia cầm	CT(HG)-66
4	Khoáng gia súc, gia cầm (Plastin-Iodin)	$MnSO_4$, Mg SO_4, $FeSO_4$, $ZnSO_4$, $CuSO_4$, Dicalcium phosphat, Postassium Iod	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g	Phòng và trị thiếu khoáng ở gia súc, gia cầm	CT(HG)-68

53. Công ty TNHH sản xuất thương mại thuốc thú y 1/5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Sulfat Kẽm	Sulfat Kẽm	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Bổ sung khoáng	CT(X1/5-23)
2	Sulfat Mange	$MnSO_4$	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Bổ sung khoáng	CT(X1/5-24)
3	Plastin	Ca, Cu, Fe, Mn, Zn	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Bổ sung Vitamin, khoáng	CT(X1/5-32)
4	Milkmilac	Vitamin A, E, B_1, Ca PP, Lysin, Methionin, chất xơ, béo, chất đạm	Gói	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị các trường hợp heo nái ít sữa, mất sữa, heo con còi cọc, giúp cai sữa sớm heo con	CT(X1/5-26)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
5	Promilk	Vitamin A, D_3, E, Casein, Iodine, Lysin, Methionin, Calcium Tryptophan, Phospho, NL tiêu hóa, chất đạm, béo	Gói	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị các trường hợp heo nái ít sữa, mất sữa, heo con còi cọc, giúp cai sữa sớm heo con	CT(X1/5-27)
6	Men UB-Vit	Bacillus spp, Lactobacillus spp, Protease, Amylase, Cellulase, Vit A, D_3, B_1	Gói	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị rối loạn tiêu hóa gây tiêu chảy, kém tăng trọng do mất cân bằng hệ VSV hệ tiêu hóa trên trâu, bò, heo, gà, vịt. Trên trâu, bò, heo, gà, vịt	CT(X1/5-39)
7	Biocid	1-Vinyl-2 pyrrolidinone polimers, Iodine complex	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Sát trùng vết thương ngoài da, lở loét, sát trùng vùng mổ, bầu vú, núm vú, chống nấm lông	CT(X1/5-47)
8	Milkmilac	Vitamin A, E, B_1, PP, Lysin, Methionin, Ca, chất xơ, béo, đạm	Gói	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị các trường hợp heo nái ít sữa, mất sữa, heo con còi cọc, giúp cai sữa sớm heo con	CT(X1/5-26)

54. Công ty thuốc thú y Á Châu

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Plastin	Iron sulfate, Magnesium sulfate, Manganese sulfate, Zinc sulfate, Coper sulfate, Cobalt sulfate, Iodine caselnate, Selenium sodium, $C_5H_{11}O_2NS$, $C_6H_{14}N_2O_2$ HCl, Calcium carbonat, Calcium Diphosphate	Gói Hộp	5g, 20g, 50g, 100g, 250g, 500g, 1kg 100g, 250g, 500g, 1kg	Trị thiếu khoáng, chứng ăn lông và rụng lông, bại liệt ở gia cầm, chứng còi xương và khoèo chân, loãng xương, chứng bại liệt	APC-33
2	Sulfat Magne	Mg	Gói	5, 10, 20, 100g	Trị chứng rụng lông của gia súc, nhuận tràng, tạo vỏ trứng bóng	APC-129
3	Sulfat Zn	Zn	Gói	5, 10, 20, 100g	Tăng cường chức năng sinh sản, chống rụng lông, xà mâu	APC-130
4	Vita C - Electrolyte	Potassium, Vitamin C, Sodium Chloride	Gói	5; 7; 15; 20, 50; 100; 500g; 1kg	Phòng chống stress và nâng cao đề kháng cho gia súc, gia cầm	APC-154
5	Electrolyte	Sodium Bicarbonate, Sodium, Potassium	Gói	5; 7; 15; 20, 50; 100; 500g; 1kg	Phòng chống stress và nâng cao sức đề kháng. Điều trị mất nước, điện giải	APC-155

B. DANH MỤC VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y ĐƯỢC PHÉP ĐÓNG GÓI LẠI

1. Công ty TNHH thương mại và sản xuất RUBY

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, Khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
1	Zeolite Poder	SiO_2, Al_2O_3, CaO, MgO, Na_2O, K_2O, Fe_3O_3	Bao	10; 15; 20; 25kg	Dwijaya Perkasa Abadi-Indonesia	DPAI-1
2	Seolite Pallte RouND	SiO_2, Al_2O_3, CaO, MgO, Na_2O, K_2O, Fe_3O_3	Bao	10; 15; 20; 25kg	Dwijaya Perkasa Abadi-Indonesia	DPAI-2
3	Povidine Iodine	Povidine Iodine	Lon	100; 250; 500g; 1kg	Glide Chem Pvt-Canada	GCC-1

2. Xí nghiệp thuốc thú y Trung ương

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
1	Aftopor	Kháng nguyên LMLM đơn type O (O Manisa, O_{3039})	Chai (50 liều	100ml	Phòng bệnh lở mồm long móng cho trâu, bò, lợn	Anh, Pháp	MRA-19
2	Aftovax	Kháng nguyên LMLM đa type O, A, Asia1	Chai (50 liều)	100ml	Phòng bệnh lở mồm long móng cho trâu, bò	Anh, Pháp	MRA-32
3	Aftopor monovalent	Kháng nguyên LMLM vô hoạt type A (A22 Iraq, A May 97)	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng bệnh LMLM cho heo và thú nhai lại	Anh, Pháp	MRA-204

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
4	Aftopor bivalent	Kháng nguyên LMLM vô hoạt type O (O Manisa và O 3039), A(A22 Iraq, A May 97)	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng bệnh LMLM cho heo và thú nhai lại	Anh, Pháp	MRA-205
5	Aftopor trivalent	Kháng nguyên LMLM vô hoạt type O (O Manisa và O 3039), A(A22 Iraq, A Malaysia 97), Asian 1 (Asian 1 Shamir)	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng bệnh LMLM cho heo và thú nhai lại	Anh, Pháp	MRA-206
6	Aftovaxpur trivalent	Kháng nguyên LMLM vô hoạt type O (O Manisa và O 3039), A(A22 Iraq, A Malaysia 97), Asian 1 (Asian 1 Shamir)	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng bệnh LMLM cho thú nhai lại	Anh, Pháp	MRA-207

3. Công ty TNHH ASIALAND Việt Nam

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Vetophos	Ca, Cu, Fe, Mg, Mn, P, Zn	Bình	100; 250; 500ml; 1; 5 L	Bổ sung khoáng hỗn hợp cho gia súc gia cầm	MRA-96
2	Iodavic	Iodine	Bình	100; 250; 500ml; 1; 5 L	Thuốc sát trùng chuồng trại, kho tàng, dụng cụ, nước uống	MRA-146
3	Prophyl	Phenol tổng hợp	Bình	100; 250; 500ml; 1; 5 L	Thuốc sát trùng và khử mùi, đa dụng	MRA-147

4. Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y Trung ương (NAVETCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
1	Aftopor	Kháng nguyên LMLM đơn type O (O Manisa, O_{3039})	Chai (50 liều)	20; 50; 100ml	Phòng bệnh lở mồm long móng cho trâu, bò, lợn	Anh, Pháp	MRA-19
2	Aftovax	Kháng nguyên LMLM đa type O, A, Asia1	Chai (50 liều)	20; 50; 100ml	Phòng bệnh lở mồm long móng cho trâu, bò	Anh, Pháp	MRA-32
3	Swivac C	Virus dịch tả lợn nhược độc (GPE chủng)	Chai	10; 20; 50ml	Phòng dịch tả lợn	Nhật	KSC-1

5. Công ty cổ phần dược thú y Cai Lậy

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
1	Intercept	Glutaraldehyde, Benzalkonium	Chai	50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 2; 5; 1 lít	Anupco-England	AP-17

6. Công ty TNHH thương mại và sản xuất Thiện Nguyễn

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
1	UGF-2000	Men tiêu hóa	Gói	1kg	Femented Product	FP-2-3

(Xem tiếp Công báo số 281 + 282)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng